

KẾ HOẠCH

Kiểm tra kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Quảng Xương năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 156/KH-TCTTKĐA06 ngày 12/06/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiểm tra kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương thực hiện Đề án 06 năm 2023 trên địa bàn huyện Quảng Xương. Để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của các đơn vị; chỉ đạo khắc phục những khó khăn, vướng mắc, những “điểm nghẽn” làm chậm tiến độ thực hiện, Tổ công tác Đề án 06 huyện Quảng Xương ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác triển khai, tổ chức thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình, kết quả thực hiện của các phòng, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp huyện và UBND cấp xã liên quan đến các nhiệm vụ được phân công thực hiện tại Đề án 06 để kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Nâng cao vai trò, tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 gắn với cải cách hành chính và thống nhất với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra bảo đảm chính xác, khách quan, không gây trở ngại đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, bảo đảm việc kiểm tra mang tính toàn diện.

- Việc kiểm tra phải thực hiện đúng quy định, quy trình, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao và phù hợp với yêu cầu thực tế.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Công tác tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 huyện. Công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện Đề án 06.

2. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền Đề án 06.

3. Công tác thu thập, cập nhật làm sạch dữ liệu chuyên ngành để kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả khai thác dữ liệu dân cư để phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị.

4. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, việc chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin của các đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án 06. Công tác phối hợp giữa các đơn vị trong việc đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn thông tin khi kết nối dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu quốc gia về dân cư.

5. Hiện trạng công tác giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, kết quả và các giải pháp thực hiện có hiệu quả 25 dịch vụ công thiết yếu trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh; tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công thiết yếu, đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC.

6. Công tác rà soát, tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Công tác tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của phòng, ngành, đơn vị, địa phương.

7. Việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ. Công tác tiếp dân, giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

8. Công tác đăng ký, xây dựng, triển khai Mô hình điểm theo chỉ đạo của UBND huyện.

9. Công tác triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 28/4/2023 về cao điểm triển khai vận động tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử; sử dụng ứng dụng VNeID; cách thức đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện Quảng Xương.

10. Việc bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Khó khăn vướng mắc và kiến nghị đề xuất.

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Kiểm tra thực tế về quy trình nghiệp vụ và hạ tầng kỹ thuật tại phòng, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể, địa phương; việc rà soát, đánh giá bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính sử dụng xác thực, định danh và dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; việc thực hiện kết nối, khai thác, xử lý thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công.

2. Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp huyện; UBND cấp xã được kiểm tra về các nội dung:

- Báo cáo về kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Đề án (theo nội dung tại phần II Kế hoạch này);
- Kiểm tra tài liệu, hồ sơ liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án;
- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra thực tế;
- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA, THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

1. Thành phần Đoàn kiểm tra Đề án 06 cấp huyện

- Thành lập 05 Đoàn kiểm tra do Lãnh đạo Công an huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp làm Trưởng đoàn kiểm tra.

- Thành viên tham gia 05 đoàn kiểm tra là thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc theo Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 về kiện toàn Tổ công tác, Tổ giúp việc triển khai Đề án 06 huyện Quảng Xương. Thư ký Đoàn kiểm tra là cán bộ, chuyên viên thuộc đơn vị được phân công là trưởng đoàn kiểm tra. Trong trường hợp thành viên Tổ công tác Đề án 06 huyện không tham gia được các đoàn kiểm tra thì có báo cáo gửi Trưởng đoàn kiểm tra và cử thành viên khác là Lãnh đạo đơn vị tham gia.

(Danh sách Đoàn kiểm tra tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

2. Thời gian, đối tượng, địa điểm, thành phần kiểm tra

- Thời gian: Thời gian, chương trình kiểm tra cụ thể do Trưởng các đoàn kiểm tra bố trí và thông báo cho thành viên Đoàn kiểm tra và các đơn vị được kiểm tra. ***Thực hiện kiểm tra từ ngày 03/8/2023 và kết thúc trước ngày 25/8/2023.***

- Đối tượng kiểm tra: Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã và Bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị (trọng điểm là các đơn vị được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 56/KH-UBND

ngày 02/03/2023 của UBND huyện về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện Quảng Xương năm 2023).

- Địa điểm kiểm tra: Tại trụ sở của các đơn vị.
- Thành phần làm việc với đoàn kiểm tra:
 - + Tại các phòng, ban, ngành cấp huyện: Lãnh đạo các phòng ban chuyên môn, cán bộ chuyên viên có liên quan;
 - + Tại UBND cấp xã: Thành viên Tổ công tác Đề án 06 cấp xã, các đơn vị chuyên môn, cán bộ chuyên viên có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an huyện - Cơ quan Thường trực Tổ công tác Đề án 06 huyện, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cập nhật thông tin của các đoàn kiểm tra; theo dõi, tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo Chủ tịch UBND huyện - Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 huyện.

2. Trưởng các đoàn kiểm tra cấp huyện: (1) Xem xét, đăng ký lịch kiểm tra gửi về Cơ quan Thường trực Tổ công tác Đề án 06 huyện (qua Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an huyện) **trước ngày 01/8/2023** để tránh trùng lịch kiểm tra ở các đơn vị. (2) Chủ động xây dựng thông báo chương trình kiểm tra, phân công nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện phục vụ, thông báo cho các thành viên đoàn kiểm tra và cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Thông báo kiểm tra phải được gửi cho các đơn vị liên quan trước ít nhất **02 ngày** làm việc tính đến thời điểm tiến hành kiểm tra. (3) Chủ động ban hành Thông báo kết quả kiểm tra gửi các đơn vị được kiểm tra sau **05 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra. (4) Chịu trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra do đơn vị làm Trưởng đoàn gửi về Cơ quan Thường trực Tổ công tác Đề án 06 huyện (qua Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an huyện) trước ngày **30/8/2023** để tập hợp, theo dõi.

3. Các thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với Trưởng đoàn kiểm tra tham gia đầy đủ các cuộc kiểm tra. Trong trường hợp có thay đổi, phải có văn bản thông báo kịp thời gửi về Trưởng đoàn kiểm tra.

4. Các đơn vị được kiểm tra chủ động xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện Đề án 06 tại cơ quan, đơn vị mình để phục vụ Đoàn kiểm tra Đề án 06 theo Đề cương kiểm tra (*tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này*). Chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác kiểm tra được hiệu quả; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác thông tin, tài liệu đã cung cấp; tạo điều kiện thuận lợi, phối hợp với đoàn kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ khi có yêu cầu; tiếp thu và thực hiện các kiến nghị, yêu cầu, kết luận của Đoàn kiểm tra.

Tổ công tác triển khai Đề án 06 huyện yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện, nếu khó khăn,

vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Tổ công tác Đề án 06 tỉnh (qua Công an huyện) để được hướng dẫn và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (để b/c);
- Công an tỉnh (để b/c);
- Thường trực Huyện ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND huyện (để b/c);
- Các PCT UBND huyện;
- Thành viên TCTTK Đề án 06 huyện (để t/h);
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện;
- Bộ phận một cửa UBND huyện (để t/h);
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn (để t/h);
- Lưu: VT, CA.

TỔ TRƯỞNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Đức Thịnh

Phụ lục 1

**DANH SÁCH ĐOÀN KIỂM TRA CẤP HUYỆN VÀ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
ĐƯỢC KIỂM TRA VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06 TRÊN
ĐỊA BÀN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**

(kèm theo Kế hoạch số: /KH-TCTTKĐA06 ngày /7/2023 của Tổ công tác Đề án 06 huyện)

STT	Đoàn kiểm tra	Cơ quan, đơn vị thuộc Đoàn kiểm tra	Cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra
1	Đoàn kiểm tra số 01	Công an huyện (Trưởng đoàn); Văn phòng HĐND-UBND huyện; Bảo hiểm xã hội huyện; Chi cục Thuế khu vực TP Sầm Sơn - Quảng Xương.	- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Phòng Tài chính; Phòng Lao động Thương binh và Xã hội; Phòng Tài nguyên và Môi trường. - UBND cấp xã: Thị trấn Tân Phong; xã Quảng Bình; xã Quảng Hợp; xã Quảng Hải; xã Quảng Thái; xã Quảng Nhân.
2	Đoàn kiểm tra số 02	Phòng Văn hóa - Thông tin (Trưởng đoàn); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Bệnh viện Đa khoa huyện.	- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng; Bảo hiểm xã hội huyện; Bộ phận một cửa huyện. - UBND cấp xã: Xã Quảng Yên; xã Quảng Trung; xã Quảng Chính; xã Quảng Giao; xã Tiên Trang.
3	Đoàn kiểm tra số 03	Phòng tài nguyên và Môi trường (Trưởng đoàn); Phòng Giáo dục và Đào tạo; Hội Cựu chiến binh huyện; Hội Nông dân huyện; Trung tâm Y tế huyện; Liên đoàn lao động huyện.	- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Phòng Văn hóa - Thông tin; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tòa án nhân dân huyện. - UBND cấp xã: Xã Quảng Trạch; xã Quảng Lộc; xã Quảng Nham; xã Quảng Thạch; xã Quảng Đức.
4	Đoàn kiểm tra số 04	Phòng Tài chính - Kế hoạch (Trưởng đoàn); Viện kiểm sát nhân dân huyện; Đoàn TNCS HCM huyện; Điện lực huyện; Hội Nông dân huyện.	- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Phòng Nội vụ; Phòng tư pháp; Phòng Giáo dục và Đào tạo. - UBND cấp xã: Xã Quảng Văn; xã Quảng Long; xã Quảng Trường; xã Quảng Khê; xã Quảng Ngọc.

5	Đoàn kiểm tra số 05	Phòng tư pháp (Trưởng đoàn); Phòng Kinh tế - Hạ tầng; Tòa án nhân dân huyện; Hội Liên hiệp phụ nữ huyện; Trung tâm Văn hóa, thông tin, Thể thao và Du lịch.	- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện: Viện kiểm sát nhân dân huyện; Bệnh viện Đa khoa huyện; Điện lực huyện. - UBND cấp xã: Xã Quảng Định; xã Quảng Phúc; xã Quảng Hòa; xã Quảng Lưu; xã Quảng Ninh.
---	---------------------	---	--

Phụ lục 2
CÁC ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KIỂM TRA
(kèm theo Kế hoạch số: /KH-TCTTKĐA06
ngày /7/2023 của TCTTKĐA06 huyện)

A- ĐỀ CƯƠNG GỢI Ý BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM TRA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06 TẠI PHÒNG, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ, ĐOÀN THỂ CẤP HUYỆN
(Số liệu báo cáo được lấy từ năm 2022 đến hết tháng 6/2023)

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

1.1. Kết quả ban hành các văn bản triển khai thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 03/03/2022; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án.

1.2. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện, tổng hợp báo cáo tình hình, tiến độ kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án được giao.

- Việc ban hành văn bản và triển khai thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án trong phạm vi phụ trách quản lý.

- Công tác tổng hợp, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ Đề án được giao (báo cáo định kỳ hàng tháng, sơ kết 06 tháng, 01 năm và đột xuất về thực hiện Đề án).

1.3. Công tác triển khai thực hiện các phương thức khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thay thế việc yêu cầu sổ hộ khẩu, sổ tạm trú phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC.

1.4. Kết quả rà soát, tham gia góp ý, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ Đề án (Luật, Nghị định, Thông tư...), nhất là việc thực hiện quy định của Luật Cư trú về hạn chế xuất trình giấy tờ về cư trú trong thực hiện giải quyết các TTHC.

2. Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến các tiện ích, dịch vụ liên quan đến dữ liệu dân cư

- Việc quán triệt nhận thức về Đề án, các nội dung tuyên truyền phổ biến công tác triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch cao điểm triển khai vận động tuyên truyền, người dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử (Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 28/4/2023).

- Kết quả thực hiện cụ thể các hình thức tuyên truyền, phổ biến (số tin bài, phóng sự; số video xây dựng tuyên truyền; số lượt đưa tin, chia sẻ tuyên truyền qua

các phương tiện điện tử, công thông tin điện tử, trang mạng xã hội; số lượt phát thanh truyền; kết quả tạo mã QR đối với các TTHC, DVC trực tuyến...).

3. Nhiệm vụ hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

- Kết quả làm sạch, cập nhật dữ liệu tiêm chủng, cấp hộ chiếu vắc xin.
- Kết quả làm sạch, cập nhật dữ liệu hội viên đoàn thể.
- Kết quả làm sạch, cập nhật dữ liệu an sinh xã hội.
- Kết quả khai thác dữ liệu dân cư để phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị.

4. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, nguồn nhân lực, bố trí kinh phí

- Về trang thiết bị, cơ sở vật chất: hiện trạng hệ thống máy tính, máy in, máy scan,... phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp DVC: hiện trạng, kết quả đầu tư, trang bị bố trí phục vụ nhiệm vụ công tác (sau khi triển khai Đề án).

- Hạ tầng đường truyền internet phục vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp DVC: hiện trạng, kết quả đầu tư nâng cấp phục vụ nhiệm vụ công tác (sau khi triển khai Đề án).

- Tình hình kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện TTHC, cung cấp DVC.

- Về công tác bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong quản lý dữ liệu; thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến. Công tác phối hợp giữa các đơn vị trong việc đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn thông tin khi kết nối dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Về nguồn nhân lực: hiện trạng nhân lực; kết quả rà soát, bố trí nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ yêu cầu.

- Về bố trí kinh phí.

5. Công tác giải quyết hồ sơ DVC trực tuyến, số hóa hồ sơ; cập nhật thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC

5.1. Kết quả thực hiện 25 DVC thiết yếu và 28 DVC theo Quyết định số 422/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Tổng số hồ sơ tiếp nhận, số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết qua DVC trực tuyến, tỷ lệ đạt được).

5.2. Kết quả thực hiện một số giải pháp đẩy mạnh nâng cao DVC trực tuyến.

- Kết quả tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan, đơn vị gương mẫu tham gia thực hiện DVC trực tuyến.

- Việc triển khai phổ biến, quán triệt tuyên truyền, hướng dẫn, gương mẫu thực hiện ứng dụng tài khoản định danh điện tử trong thực hiện DVC trực tuyến.

- Các giải pháp khác về tuyên truyền, hướng dẫn, vận động thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia DVC trực tuyến.

5.3. Kết quả số hóa hồ sơ, trả kết quả TTHC phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

5.4. Việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

5.5. Việc cập nhật thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức người lao động lên Cơ sở dữ liệu.

6. Công tác rà soát, đề xuất tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết TTHC để nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến; Công tác tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của từng đơn vị

7. Nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công dân số

7.1. Kết quả tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân viên của đơn vị tham gia cấp CCCD gắn chip, đăng ký, ứng dụng tài khoản định danh điện tử.

7.2. Kết quả ứng dụng các tiện ích của thẻ CCCD, dữ liệu dân cư.

- Trong khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD: số cơ sở đã triển khai thực hiện việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip thay thế thẻ BHYT trong khám chữa bệnh, số lượt người sử dụng thẻ CCCD để khám chữa bệnh, tỷ lệ đạt được.

- Trong ứng dụng CCCD gắn chip, định danh điện tử, dữ liệu dân cư phục vụ thực hiện các phương thức khai thác, sử dụng thông tin về cư trú phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC.

- Trong thực hiện an sinh xã hội:

- + Việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ: kết quả rà soát, xác minh, cập nhật thông tin vào hệ thống CSDLQG về DC phục vụ thực hiện các chính sách theo quy định.

- + Việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Việc phối hợp rà soát, xác minh, cập nhật thông tin các đối tượng chính sách khác vào hệ thống CSDLQG về DC (hộ nghèo, người có công,...) phục vụ thực hiện an sinh, xã hội.

- Trong triển khai đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt (y tế, giáo dục...).

8. Công tác đăng ký, xây dựng, triển khai mô hình điểm

9. Công tác sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ Đề án; biểu dương khen thưởng; phát động phong trào thi đua, xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án

10. Đánh giá chung

10.1. Kết quả đạt được.

10.2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân.

10.3. Kiến nghị, đề xuất.

11. Phương hướng nhiệm vụ thời gian tới

Lưu ý: Một số đơn vị báo cáo thêm một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm như sau:

***) Đối với Phòng Nội vụ**

(1) Đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu CBCC theo phạm vi nhiệm vụ của Đề án của Bộ Nội vụ chưa? Có vướng mắc gì không? Có giải pháp, đề xuất gì? đã kết nối với Bộ Nội vụ chưa?

(2) Đã rà soát có bao nhiêu cán bộ làm về công nghệ thông tin, đã đáp ứng được chưa?

(3) Từng vị trí công tác thực hiện Đề án 06 đã được tập huấn, thực hành, trang bị, cập nhật kiến thức về Đề án 06 chưa?

(4) Việc thực hiện thanh tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính đối với việc không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

***) Đối với Phòng Văn hóa - Thông tin, bộ phận một cửa UBND huyện**

Về dịch vụ công (căn cứ theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Công văn số 2084/VPCP-KSTT ngày 30/3/2023 của Văn phòng Chính phủ, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của UBND huyện.)

(1) Hiện trạng việc giải quyết các hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, trong đó:

- Hiện trạng hệ thống CNTT tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các đơn vị một cửa, các bộ phận chuyên môn (quy trình thực hiện trên phần mềm còn các hạn chế gì? Tốc độ xử lý của các hệ thống thông tin này? Cơ chế xử lý giúp cán bộ không cần nhiều việc xử lý giấy tờ bên ngoài? Cơ chế liên thông dữ liệu với các dữ liệu chuyên ngành? Cơ chế xác thực dữ liệu người dân kê khai?).

- Hiện trạng việc xử lý các thủ tục hành chính liên thông tại bộ phận một cửa, các bộ phận chuyên môn (khó khăn về người dân, khó khăn về cán bộ, khó khăn về các quy định pháp lý?).

- Khả năng tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên hệ thống của Cán bộ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đã được tối ưu hóa; Quy trình đã thuận lợi cho người dân kê khai và nộp hồ sơ trực tuyến.

- Việc hỗ trợ điền thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu vào biểu mẫu điện tử đã được triển khai như thế nào.

(2) Hiện trạng quy trình phối hợp nghiệp vụ thực hiện thủ tục liên thông: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Quy trình nghiệp vụ phối hợp giữa các đơn vị tư pháp, Công an, BHXH.

(3) Hiện trạng quy trình phối hợp nghiệp vụ thực hiện thủ tục liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí; Quy trình nghiệp vụ phối hợp giữa các đơn vị tư pháp, Công an, BHXH.

(4) Khả năng đồng bộ hồ sơ giữa hệ thống một cửa điện tử của địa phương và Cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công của tỉnh; Khả năng đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động vận hành, kết nối; khả năng quản lý tài khoản và xác thực tập trung (nêu rõ thực trạng, tồn tại, nguyên nhân và nguy cơ).

(5) Hiện trạng các hệ thống phần mềm và quy trình thực hiện thủ tục liên thông trên các hệ thống phần mềm:

- Cách thức tạo tài khoản? Các nhóm dịch vụ công được phân chia trên cổng? Tiêu chí để phân loại nhóm dịch vụ công trên cổng có theo văn bản thống nhất nào trên toàn quốc không? Số lượng DVC mức độ 3, số lượng DVC mức độ 4. Các dịch vụ công mức độ 4 đã đảm bảo đúng tiêu chí Mức độ 4 chưa? Có dịch vụ công nào mức độ 4 mà vẫn yêu cầu người dân mang hồ sơ gốc lên cơ quan tiếp nhận để đối chiếu hồ sơ và nhận kết quả không?

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: Nêu tên các bộ phận tham gia vào hệ thống một cửa ở các cấp? Đã liên kết với phần mềm nào khác trong công tác giải quyết hồ sơ không? Có cơ chế xác thực dữ liệu hỗ trợ cán bộ trong quá trình giải quyết hồ sơ không? Cơ chế lưu kết quả giải quyết dưới dạng chi tiết các thông tin hay dưới dạng file pdf?"

- Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử.

(6) Đã điều chỉnh e-form vào bao nhiêu thủ tục và cắt bỏ được những giấy tờ gì từ dữ liệu tư pháp, dân cư, lao động thương binh xã hội và các dữ liệu khác.

(7) Kết quả tiếp nhận giải quyết DVC: tỉ lệ Tổng số dịch vụ công trực tuyến trên tổng số dịch vụ công tiếp nhận là bao nhiêu phần trăm.

(8) Các giải pháp thúc đẩy DVC: Mô hình nhà văn hóa, cửa hàng tiện lợi, đền, chùa,... Mô hình công chức gương mẫu sử dụng DVC; công tác tuyên truyền.

Về số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa tài liệu (căn cứ theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh)

(1) Về hạ tầng CNTT phục vụ số hóa (thiết bị máy chủ, máy trạm, máy scan, thiết bị lưu trữ,...).

(2) Về quy trình số hóa và việc tái sử dụng kết quả số hóa.

(3) Lộ trình, kế hoạch và các nguồn dữ liệu để số hóa của tỉnh như thế nào?

(4) Nguồn nhân lực phục vụ số hóa.

(5) Rà soát từng dịch vụ công, tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các thành phần hồ sơ đã sử dụng dữ liệu dân cư.

(6) Dữ liệu đã được lưu trữ, tập trung và được người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng như thế nào? Cắt giảm được gì?

Về hạ tầng, Công nghệ thông tin (căn cứ theo công văn số 1552 ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và truyền thông, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của UBND huyện)

(1) Đánh giá hạ tầng, công nghệ thông tin của huyện. Đầu tư công nghệ thông tin của huyện như thế nào? Hệ thống máy chủ ứng dụng; hệ thống lưu trữ và dự phòng; hệ thống bảo mật gồm: Hệ thống tường lửa, Hệ thống phòng chống virus máy tính.

(2) Đối với Công văn số 1552 ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và truyền thông kèm theo hướng dẫn các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu cần thiết và tiêu chuẩn, định mức phục vụ triển khai Đề án 06 (Phiên bản 1.0), phòng Văn hóa - Thông tin đã tham mưu với Chủ tịch UBND huyện rà soát, triển khai như thế nào? Vướng mắc gì?

(3) Đã trao đổi, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch để thống nhất việc tham mưu Chủ tịch UBND huyện về đầu tư hạ tầng, trang thiết bị để triển khai?

(4) Vấn đề về bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống: Triển khai biện pháp đảm bảo ANAT theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền Thông, Bộ Công an đã đảm bảo chưa?

(5) Triển khai kho dữ liệu dùng chung cho toàn huyện như thế nào. Đã phê duyệt đầu tư chưa, bố trí vốn như thế nào? (đã đồng bộ để tạo dữ liệu dùng chung chưa; đã sử dụng tạo được giá trị như thế nào)? Bao giờ xong? Nếu đã có thì đã tập trung kết nối sử dụng để giải quyết TTHC của địa phương chưa.

(6) Giải pháp kết nối phân tích dữ liệu tại Trung tâm điều hành (IOC) của tỉnh để mang lại những giá trị trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển chính sách kinh tế - xã hội của tỉnh đang được triển khai như thế nào?

(7) Việc ứng dụng các tiện ích của công dân số đang được triển khai như thế nào, tiện ích nào là chủ yếu?

***) Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí nguồn lực thực hiện Đề án** (căn cứ theo hướng dẫn số 1304/BTC ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính và Công văn số 933/BKHĐT ngày 16/02/2022 về hướng dẫn bố trí nguồn lực phục vụ thực hiện triển khai Đề án 06/CP)

(1) Việc triển khai hướng dẫn bố trí kinh phí, nguồn lực thực hiện Đề án 06, đã tham mưu với Chủ tịch UBND huyện triển khai như thế nào? Đã nắm hết các hướng dẫn của Sở Tài chính; Sở KH&ĐT, Công an tỉnh chưa?

(2) Đã phối hợp, trao đổi với Phòng Văn hóa - Thông tin của huyện để tham mưu với Chủ tịch UBND huyện triển khai như thế nào? Đã đăng ký vốn chưa, Bao nhiêu? Được cấp bao nhiêu? Có đủ không, trong trường hợp thiếu thì giải quyết như thế nào? Riêng tỉnh bố trí bao nhiêu? Có phương án huy động, xã hội hóa không?

(3) Đến nay, đã có bao nhiêu phòng, ngành, địa phương lập dự toán, đăng ký nhu cầu sử dụng ngân sách để triển khai, hiện Đề án 06?

(4) Việc thực hiện Nghị Quyết về miễn giảm phí, lệ phí sử dụng Dịch Vụ Công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện như thế nào?

***) Phòng Tư pháp** (căn cứ theo Công điện số 104/CD-TTg ngày 29/01/2022 của Chính phủ, Thông báo số 2880/TB-TCTTKĐA ngày 04/5/2023 của Thư Tổ Công tác triển khai Đề án; Quy trình 1505 ngày 09/11/2022 và Quy trình 1292 ngày 20/12/2022 về số hóa dữ liệu hộ tịch trên nền tảng CSDLQG về DC)

(1) Rà soát các văn bản pháp luật để triển khai Đề án 06. Kết quả rà soát đã kiến nghị sửa đổi văn bản gì theo thẩm quyền của địa phương? Đã tham mưu điều chỉnh, bổ sung cho các thủ tục, lĩnh vực nào? Hiện còn bao nhiêu thủ tục chưa điều

chính; có bao nhiêu thủ tục thuộc thẩm quyền của địa phương (trong đó đã rà soát tham mưu cho huyện để điều chỉnh chưa?)

(2) Kết quả triển khai dịch vụ công của cơ quan Tư pháp cấp huyện, xã như thế nào?

(3) Kết quả số hóa dữ liệu hộ tịch và Công tác phối hợp với lực lượng Công an trong việc đối soát dữ liệu hộ tịch, dữ liệu dân cư? Nếu đã có thì đã đồng bộ với Bộ và Sở Tư pháp chưa? Đã chia sẻ cho các đơn vị khai thác chưa? Đã làm sạch với dân cư chưa? Đã có quy chế làm sạch về dân cư và đồng bộ khi có lưu động chưa?

(4) Việc công chứng, chứng thực đảm bảo điều kiện cho người dân sử dụng CCCD gắn chip hoặc VNeID khi đi công chứng, chứng thực thay cho các loại giấy tờ Phòng Tư pháp triển khai như thế nào?

***) Đối với Bệnh viện Đa khoa huyện và Trung tâm Y tế huyện** (căn cứ theo thực hiện theo Công văn số 931/BYT-BH 2022 ngày 28/02/2022 của bộ Y tế, Thông báo số 2880/TB-TCTTKĐA ngày 04/5/2023 của Thủ Tổ Công tác triển khai Đề án; Công văn 874 ngày 23/2/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn cập nhật, chuyển dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe lên cổng giám định bảo hiểm y tế của BHXH)

(1) Việc quán triệt thực hiện Công văn 931 của Bộ Y tế về sử dụng thẻ CCCD trong quá trình khám chữa bệnh được thực hiện như thế nào? Trên địa bàn có bao nhiêu cơ sở y tế đã tổ chức khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD? Có bao nhiêu công dân sử dụng thẻ CCCD để khám chữa bệnh?

(2) Việc làm sạch dữ liệu mũi tiêm Covid 19.

(3) Chỉ đạo các cơ sở y tế chuyển dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe lên Cổng giám định Bảo Hiểm Y Tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện Dịch vụ công cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

(4) Công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng giấy khám sức khỏe để phục vụ các thủ tục khác triển khai như thế nào?

***) Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội** (căn cứ theo Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 1552 ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và truyền thông; Nghị quyết số 50/NQCP ngày 08/4/2023 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 5234/CVBLĐTĐTBXH ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - TBXH về hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của UBND huyện)

(1) Việc số hóa, làm sạch, xác thực và triển khai chương trình theo dõi, giám sát, hỗ trợ cũng như đảm bảo chính sách cho các đối tượng an sinh xã hội trên địa bàn triển khai như thế nào? Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì

phối hợp UBND các xã, thị trấn tạo lập Cơ sở dữ liệu ASXH thông qua VNeID, phối hợp với đơn vị liên quan làm sạch dữ liệu chưa?

(2) Đã phối hợp với Công an để số hóa chưa? Số hóa những dữ liệu gì? Nếu đã có rồi thì đã làm sạch với dân cư chưa, chuyển dữ liệu về Bộ chưa?

(3) Hạ tầng CNTT của địa phương hay của Bộ cập nhật đúng, đủ, sạch, sống khi có biến động về dữ liệu chưa?

(4) Việc nắm thông tin người lao động mất việc làm thực hiện như thế nào?

***) Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường** (căn cứ theo Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 1293/BTNMT ngày 03/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình làm điểm, làm giàu dữ liệu đất đai, nhà ở; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của UBND huyện).

(1) Triển khai các thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất được số hóa, làm sạch, xác thực như thế nào? Bao nhiêu xã, thị trấn đã xong? Bao giờ hoàn thành toàn huyện? Đã đưa vào sử dụng cho các thủ tục gì? Cắt giảm được giấy tờ? Rút ngắn thời gian?

(2) Dữ liệu đã tập trung về huyện, về tỉnh chưa? Về Bộ Tài nguyên và Môi trường? Lộ trình hoàn thành, làm sạch với dữ liệu dân cư.

***) Đối với Phòng Giáo Dục và Đào Tạo** (căn cứ theo Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của UBND huyện)

(1) Việc hướng dẫn các trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt như thế nào?

(2) Có yêu cầu học sinh xuất trình CT07 (giấy xác nhận cư trú) hoặc giấy tờ chứng minh nơi thường trú không? Sử dụng dữ liệu dân cư như thế nào?

***) Các phòng, ngành, đơn vị khác** (căn cứ theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của UBND huyện).

(1) Đã tiến hành số hóa dữ liệu chưa (nếu đã thực hiện số hóa thì đã tập trung về Trung ương chưa?).

(2) Lộ trình triển khai cụ thể như thế nào, kinh phí bao nhiêu, thời gian triển khai trong bao lâu.

B- ĐỀ CƯƠNG GỢI Ý BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM TRA THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06 TẠI UBND CẤP XÃ

(Số liệu báo cáo được lấy từ năm 2022 đến hết tháng 5/2023)

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

1.1. Kết quả ban hành các văn bản triển khai thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 03/03/2022; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 02/03/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án.

1.2. Việc triển khai thành lập Tổ công tác Đề án 06 các cấp (cấp xã, cấp thôn):

- + Kết quả thành lập Tổ công tác Đề án 06 cấp xã;
- + Kết quả thành lập Tổ công tác Đề án 06 cấp thôn;

1.3. Công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện, tổng hợp báo cáo tình hình, tiến độ kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án được giao

- Việc ban hành văn bản và triển khai thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ Đề án trong phạm vi phụ trách quản lý.

- Công tác tổng hợp, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ Đề án được giao *(việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ hàng tháng, sơ kết 06 tháng, 01 năm và đột xuất về thực hiện Đề án 06)*.

1.4. Công tác triển khai thực hiện các phương thức khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thay thế yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC.

1.5. Kết quả rà soát, tham gia góp ý, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ Đề án (Luật, Nghị định, Thông tư...), nhất là việc thực hiện quy định của Luật Cư trú về hạn chế xuất trình giấy tờ về cư trú trong thực hiện giải quyết các TTHC.

2. Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến các tiện ích, dịch vụ liên quan đến dữ liệu dân cư

- Việc quán triệt nhận thức về Đề án, các nội dung tuyên truyền phổ biến.; công tác triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch cao điểm triển khai vận động tuyên truyền, người dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử ...(Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 28/4/2023).

- Kết quả thực hiện cụ thể các hình thức tuyên truyền, phổ biến (số tin bài, phóng sự; số video xây dựng tuyên truyền; số lượt đưa tin, chia sẻ tuyên truyền qua các phương tiện điện tử, công thông tin điện tử, trang mạng xã hội; số lượt phát thanh tuyên truyền; họp sinh hoạt tổ dân cư; kết quả tạo mã QR đối với các TTHC, DVC trực tuyến...).

3. Nhiệm vụ hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

- Kết quả làm sạch dữ liệu dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”: Kết quả thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư, làm sạch dữ liệu các loại (hủy/xác lập số định danh; làm sạch, cập nhật CMND 9 số; xóa trùng dữ liệu; điều chỉnh chủ hộ...); Công tác phúc tra, kiểm tra làm sạch dữ liệu.

- Kết quả làm sạch, cập nhật dữ liệu tiêm chủng, cấp hộ chiếu vắc xin.

- Kết quả làm sạch, cập nhật dữ liệu hội viên đoàn thể.

- Kết quả làm sạch, cập nhật dữ liệu an sinh xã hội.

- Kết quả khai thác dữ liệu dân cư để phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị.

4. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, nguồn nhân lực, bố trí kinh phí

- Về trang thiết bị, cơ sở vật chất: hiện trạng hệ thống máy tính, máy in, máy scan,... phục vụ công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp DVC: hiện trạng, kết quả đầu tư, trang bị bố trí phục vụ nhiệm vụ công tác (sau khi triển khai Đề án).

- Hạ tầng đường truyền internet phục vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp DVC: hiện trạng, kết quả đầu tư nâng cấp phục vụ nhiệm vụ công tác (sau khi triển khai Đề án).

- Tình hình kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện TTHC, cung cấp DVC.

- Về công tác duy trì bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin: Kết quả thành lập và hoạt động của Tổ an ninh, an toàn thực hiện Đề án 06; việc duy trì bảo đảm an ninh, an toàn đối với hệ thống CSDLQG về DC, CCCD; Công tác bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến; Công tác phối hợp giữa các đơn vị trong việc đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn thông tin khi kết nối dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Về nguồn nhân lực: hiện trạng nhân lực; kết quả rà soát, bố trí nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ yêu cầu.

- Về bố trí kinh phí:

5. Công tác giải quyết hồ sơ DVC trực tuyến, số hóa hồ sơ; cập nhật thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC

5.1. Kết quả thực hiện 25 DVC thiết yếu và 28 DVC theo Quyết định số 422/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Tổng số hồ sơ tiếp nhận, số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết qua DVC trực tuyến, tỷ lệ đạt được).

5.2. Kết quả thực hiện một số giải pháp đẩy mạnh nâng cao DVC trực tuyến.

- Kết quả tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan, đơn vị gương mẫu tham gia thực hiện DVC trực tuyến (kết quả cán bộ, nhân viên... lập, đăng ký tài khoản Cổng DVC quốc gia, tài khoản định danh điện tử; kết quả cán bộ, nhân viên đơn vị trải nghiệm, tham gia đăng ký nộp hồ sơ DVC trực tuyến; kết quả tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè... tham gia thực hiện DVC trực tuyến; kết quả cán bộ tiếp dẫn hướng dẫn người dân thực hiện DVC trực tuyến thông qua công tác tiếp dân tại Bộ phận Một cửa các cấp...).

- Việc triển khai phổ biến, quán triệt tuyên truyền, hướng dẫn, gương mẫu thực hiện ứng dụng tài khoản định danh điện tử trong thực hiện DVC trực tuyến.

- Việc xây dựng các mô hình đẩy mạnh DVC trực tuyến.

- Các giải pháp khác về tuyên truyền, hướng dẫn, vận động thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia DVC trực tuyến.

5.3. Kết quả số hóa hồ sơ, trả kết quả TTHC bản điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Đã tiến hành số hóa dữ liệu chưa (nếu đã thực hiện số hóa thì đã tập trung về Trung ương chưa?). Lộ trình triển khai cụ thể như thế nào, kinh phí bao nhiêu, thời gian triển khai trong bao lâu.

5.4. Việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 và Nghị định số 107/2021/NĐCP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

5.5. Việc cập nhật thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức người lao động lên Cơ sở dữ liệu.

6. Công tác rà soát, đề xuất tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết TTHC để nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến

7. Nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công dân số

7.1. Kết quả thu nhận hồ sơ cấp CCCD và tài khoản định danh điện tử cho công dân

- Kết quả thu nhận hồ sơ cấp CCCD gắn chip điện tử (thu nhận hồ sơ, truyền dữ liệu, nhận/trả thẻ CCCD cho công dân).
- Kết quả thu nhận hồ sơ đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử (mức độ 2).
- Kết quả tuyên truyền, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử (mức độ 1, mức độ 2).

7.2. Kết quả ứng dụng các tiện ích của thẻ CCCD, dữ liệu dân cư

- Trong khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD: số cơ sở đã triển khai thực hiện việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip thay thế thẻ BHYT trong khám chữa bệnh, số lượt người sử dụng thẻ CCCD để khám chữa bệnh, tỷ lệ đạt được.
- Trong ứng dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện các tiện ích: số lượt sử dụng tài khoản định danh điện tử thực hiện DVC trực tuyến, thông báo lưu trú...
- Trong ứng dụng CCCD gắn chip, định danh điện tử, dữ liệu dân cư phục vụ thực hiện các phương thức khai thác, sử dụng thông tin về cư trú phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC.
- Trong thực hiện an sinh xã hội:
 - + Việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ: kết quả rà soát, xác minh, cập nhật thông tin vào hệ thống CSDLQG về DC phục vụ thực hiện các chính sách theo quy định.
 - + Việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
 - + Việc rà soát, xác minh, cập nhật thông tin các đối tượng chính sách khác vào hệ thống CSDLQG về DC (hộ nghèo, người có công,...) phục vụ thực hiện an sinh, xã hội.
- Trong triển khai đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt (y tế, giáo dục...).

8. Tình hình, kết quả triển khai thực hiện các phương thức khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thay cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC, cung cấp DVC của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã, chú ý một số nội dung:

- Các phương thức hiện đang thực hiện tại Bộ phận một cửa cấp xã, kết quả cụ thể đối với từng phương thức đã thực hiện.
- Các phương thức chưa triển khai thực hiện, lý do.

- Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất.

9. Công tác điều tra cơ bản, đăng ký, triển khai mô hình điểm

10. Công tác sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ Đề biểu dương khen thưởng; phát động phong trào thi đua, xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được.
2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân.
3. Kiến nghị đề xuất.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI./.